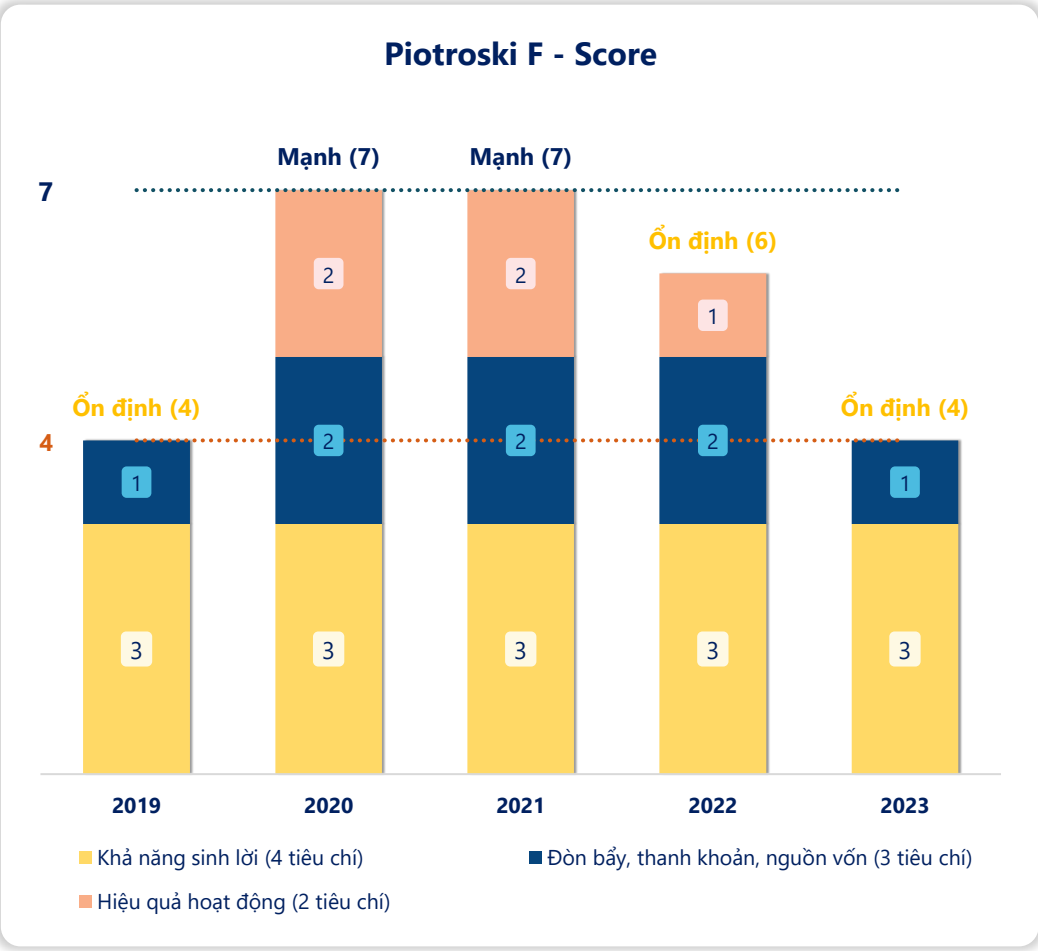
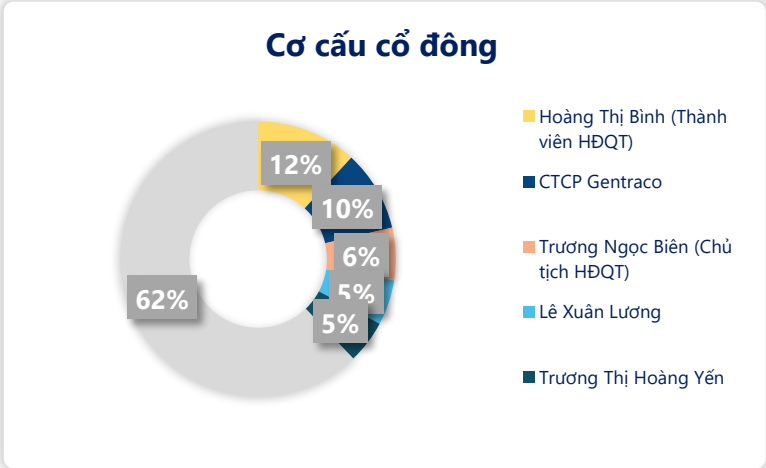
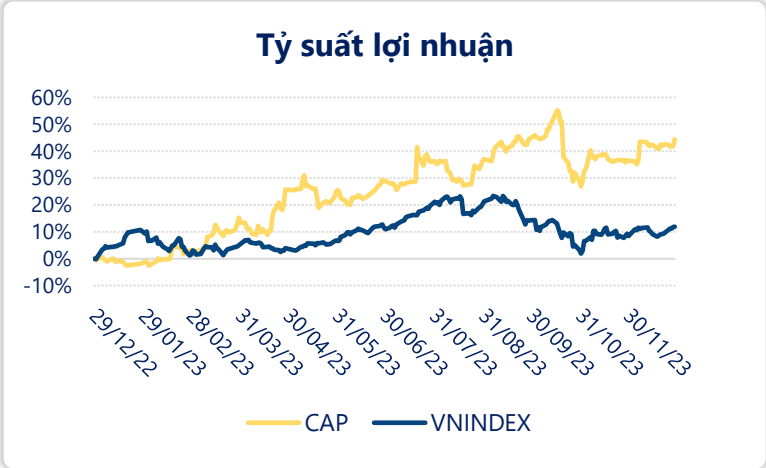


CTCP Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái (HNX: CAP)

Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	78,400 VNĐ			Sức mạnh tài chính	4/9	2023	YoY ▼ 17.0 ▼ 2.6%	2023	YoY ▲ 2.00 ▲ 2.0%
29/12/2023				Piotroski F - Score		DT thuần		LN sau thuế	
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng	2023	(Ổn định)	640		108	
	67.1%	57.5%	79.2%			tỷ VNĐ		tỷ VNĐ	

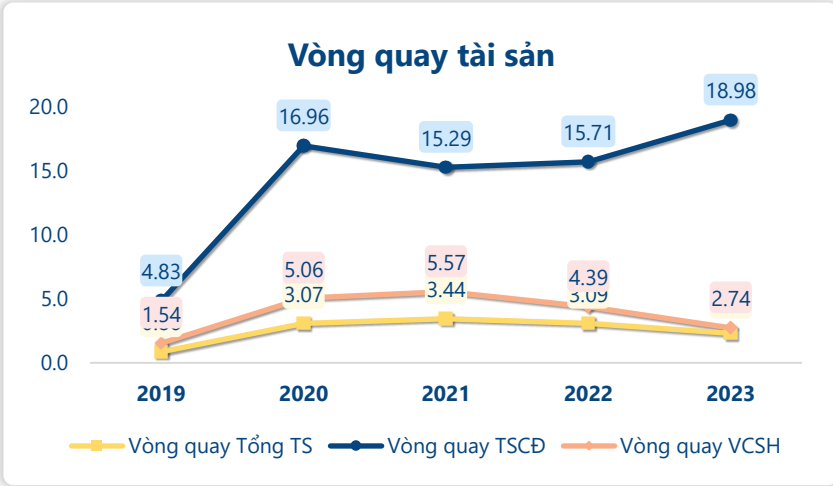
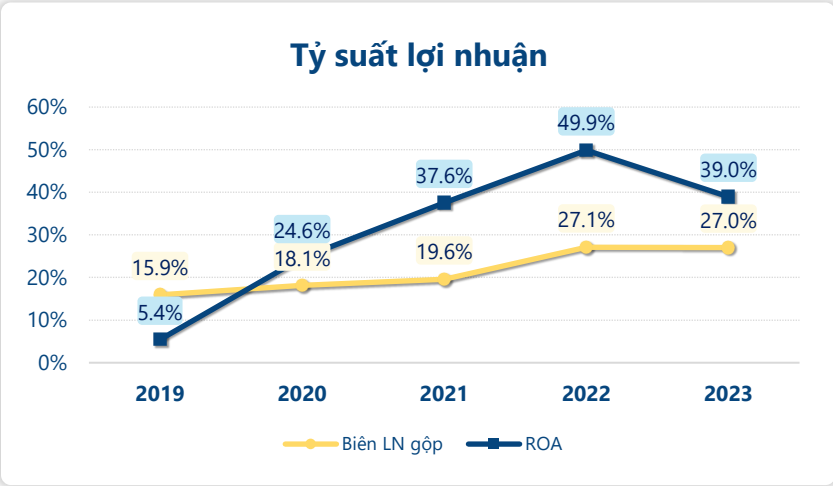
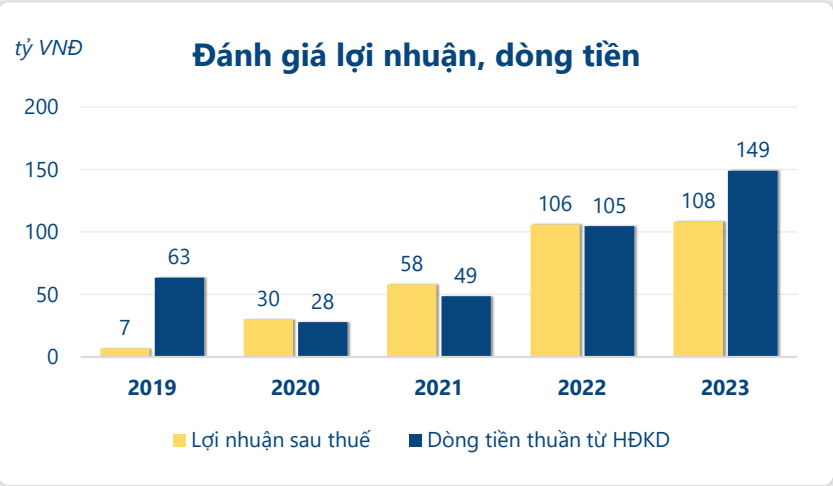


Năm 2023, F-Score của CAP đạt 4/9 thấp hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính vẫn thuộc vùng "ổn định".

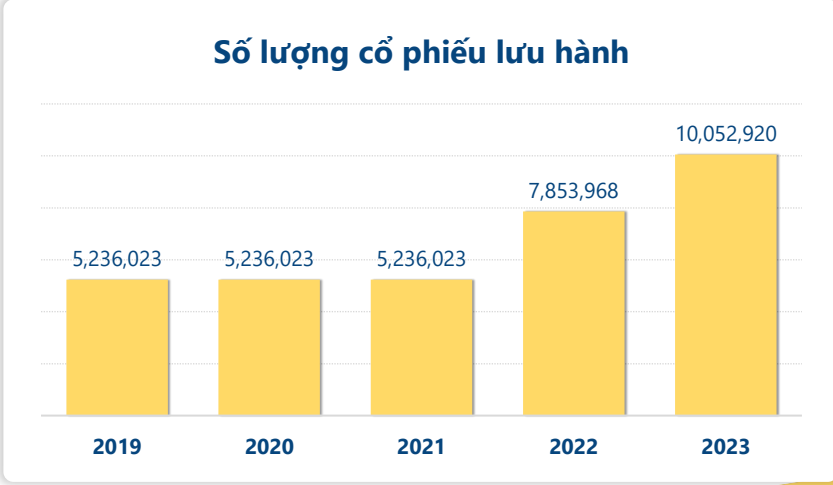
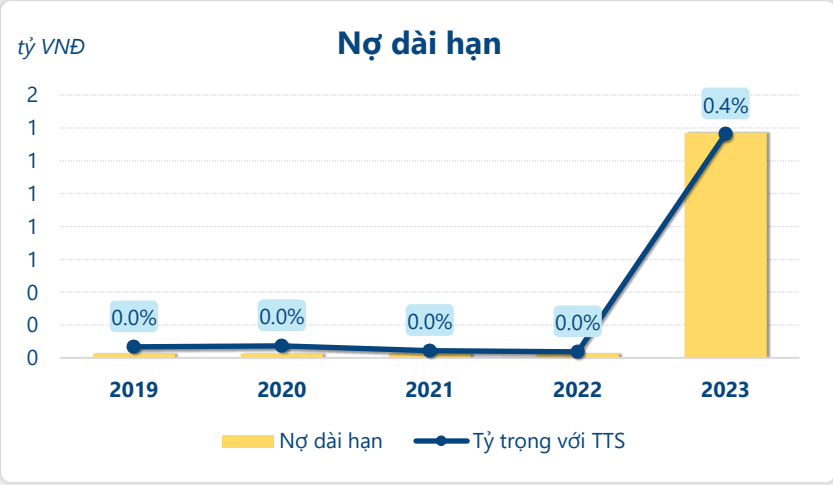
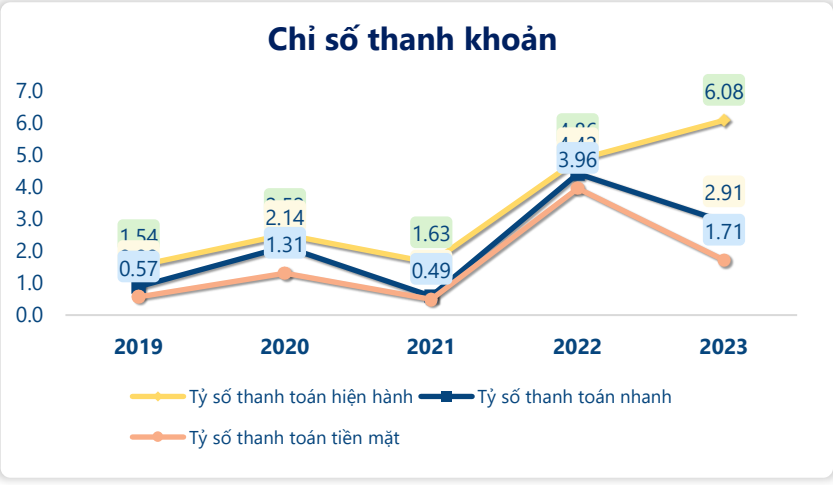
Trong đó, khả năng sinh lời không đổi đạt 3/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn kém hơn năm trước đạt 1/3. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, không đạt điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái (HNX: CAP)



Xét các tiêu chí thành phần của F-Score năm 2023 của CAP: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	322	233	38.1%
Tài sản ngắn hạn	288	189	52.9%
Tiền và tương đương tiền	81.2	154	-47.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	53.8	17.6	207%
Hàng tồn kho	150	17.1	776%
Tài sản ngắn hạn khác	2.92	0.24	1128%
Tài sản dài hạn	33.6	44.5	-24.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	29.4	38.0	-22.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.18	3.41	22.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.03	3.07	-99.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	48.7	38.8	25.5%
Nợ ngắn hạn	47.4	38.8	22.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	17.8	6.83	161%
Nợ dài hạn	1.37	0.03	5007%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	273	194	40.6%
Vốn chủ sở hữu	273	194	40.6%
Vốn điều lệ	101	78.5	28.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	107	376	531	657	640
Giá vốn hàng bán	90.3	308	427	479	467
Lợi nhuận gộp	17.1	68.1	104	178	173
Doanh thu HĐTC	0.49	1.34	1.72	3.91	9.41
Chi phí TC	0.01	0.36	1.72	1.33	0.26
Chi phí lãi vay	0	0.23	1.45	1.17	0.10
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.41	8.98	15.3	30.6	33.9
Chi phí QLDN	7.07	23.7	18.0	22.4	23.9
LN thuần từ HĐKD	8.11	36.4	70.7	128	124
Lợi nhuận khác	0.02	-0.86	-0.22	-0.58	-0.02
LN trước thuế	8.13	35.5	70.5	127	124
Lợi nhuận sau thuế	6.75	30.1	57.9	106	108
LNST của CĐ cty mẹ	6.75	30.1	57.9	106	108

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	63.4	27.7	48.6	105	149
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.5	-20.3	-11.4	-4.35	-117
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.0	-18.3	-59.2	-26.2	-33.0
Tiền đầu kỳ	12.5	50.5	64.9	78.9	82.7
Lưu chuyển tiền thuần	24.9	-10.9	-22.0	74.2	-1.50
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	0.00	-0.05	0.40	0.04
Tiền cuối kỳ	37.4	39.6	42.9	154	81.2